

Bản án số: 142/2022/HS-PT
Ngày: 16-12-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tinh

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Lương
Ông Nguyễn Thế Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Yến Nhi – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:
Ông Đặng Hữu Tài – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 12 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 109/2022/TLPT-HS ngày 02 tháng 11 năm 2022; đối với bị cáo Võ Minh T do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 87/2022/HS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Bị cáo có kháng cáo: **Võ Minh T** (T M), sinh năm 1972 tại tỉnh Bến Tre; Trú tại: khu phố H, phường N, thành phố BT, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 9/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn Giáo: Không; Con ông Võ Văn T (chết) và bà Phạm Thị B (chết); vợ tên Phạm Thị T; con: chưa. Tiền án: 03 (Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 103/HS-ST ngày 18/9/1999 của Toà án nhân dân tỉnh Bến Tre và Bản án hình sự phúc thẩm số 1158/HSPT ngày 16/6/2000 của Tòa án nhân dân Tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 15 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 26/9/2010 nhưng chưa thi hành xong hình phạt bổ sung; Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 76/2013/HSST ngày 28/8/2013 của Toà án nhân dân thành phố Bến Tre xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 30/9/2015 nhưng chưa thi hành xong án phí và trách nhiệm dân sự; Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 65/2016/HSST ngày 26/9/2016 của Toà án nhân dân thành phố Bến Tre xử phạt 07 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, chấp hành xong bản án ngày 28/4/2021); Tiền sự: không; Nhân thân: Tại Bản án 38/HSST ngày 05/10/1994 của Toà án nhân dân thị xã Bến Tre (nay là thành phố Bến Tre) xử phạt

06 tháng tù cho hưởng án treo về tội “Tổ chức đánh bạc”, thời gian thử thách 12 tháng (chấp hành xong bản án ngày 26/12/2004). Tại Quyết định xử phạt số 05/QĐ-XPHC ngày 11/01/2012 của Công an phường N, thành phố BT xử phạt 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; bị cáo tại ngoại, có mặt;

Ngoài ra, trong vụ án còn có bị cáo Nguyễn Minh H nhưng không có kháng cáo và không bị kháng cáo, không bị kháng nghị phúc thẩm.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 01 giờ ngày 12/4/2022, Nguyễn Minh H đi bộ từ Ngã tư TĐ về hướng Trường Trung học phổ thông chuyên BT. Khi đi ngang nhà của chị Nguyễn Thị Thu N (sinh năm 1966) ở số F, khu phố H, phường PK, thành phố BT, tỉnh Bến Tre H nhìn thấy có nhiều chậu lan đang treo ở hàng rào nên nảy sinh ý định lấy trộm bán lấy tiền tiêu xài. Để thực hiện ý định, H đến nhà Võ Minh T hỏi T có mua hoa lan không thì T đồng ý mua giá 50.000 đồng một chậu nên H kêu T chở H đi lấy hoa lan. T mượn xe mô tô 71B2-178.52 của Võ Thành Huy (anh ruột T) chở H đến nhà của chị N. Khi đến nơi, H nói rõ cho T biết là sẽ lấy trộm hoa lan của người khác bán cho T chứ không phải lan của H thì T vẫn đồng ý mua. Nói xong, H đi vào lấy 06 chậu lan Dendro của chị N chuyễn ra bên ngoài cho T rồi T chở H cùng số hoa lan trộm được về nhà T và T trả cho H 300.000 đồng. Sau đó, T tiếp tục lấy xe mô tô 71B2-178.52 chở H đến nhà chị N để H lấy tiếp của chị N 11 chậu lan Dendro và chui qua hàng rào vào bên trong sân nhà lấy 01 chậu lan Hồ Điệp đem ra để bên ngoài hàng rào nhà chị N và chuyễn ra cho T rồi cùng nhau lần lượt chở mỗi lần 06 chậu đem về nhà T cất giấu. Đến sáng hôm sau thì hành vi của H và T bị phát hiện.

Vật chứng thu giữ: 17 chậu lan Dendro thân đứng, lá đối được trồng trong chậu nhựa giả gỗ, chậu đường kính 30cm, mỗi chậu trồng 04 gốc, cao 35cm; 01 chậu lan Hồ Điệp, có 02 cây ghép lại, có 02 cặp lá, có hoa, cao 40cm, được trồng trong chậu men, đường kính 20cm, chiều cao 25cm.

Theo Bản kết luận định giá tài sản số 346/KL-HĐĐG ngày 04/5/2022 của Hội đồng định giá thành phố BT kết luận: 17 chậu lan Dendro thân đứng, lá đối được trồng trong chậu nhựa giả gỗ, chậu đường kính 30cm, mỗi chậu trồng 04 gốc, cao 35cm, trị giá tài sản ngày 12/4/2022 là 4.250.000 đồng; 01 chậu lan Hồ Điệp, có 02 cây ghép lại, có 02 cặp lá, có hoa, cao 40cm, được trồng trong chậu men, đường kính 20cm, chiều cao 25cm, trị giá ngày 12/4/2022 là 400.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 87/2022/HS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre đã tuyên bố bị cáo Võ Minh T phạm “Tội trộm cắp tài sản”. Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm h, s khoản 1

Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Võ Minh T 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên hình phạt tù đối với đồng phạm khác, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 06/10/2022 bị cáo Võ Minh T kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt tù.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung bản án sơ thẩm.

Quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa thể hiện như sau. Đơn kháng cáo của bị cáo làm trong hạn luật định. Về tội danh, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Võ Minh T phạm “Tội trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là đúng quy định của pháp luật. Xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo với mức hình phạt 02 (hai) năm tù là mức thấp nhất của khung hình phạt nên không chấp nhận kháng cáo của bị cáo. Đề nghị áp dụng điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm. Tuyên bố bị cáo Võ Minh T phạm “Tội trộm cắp tài sản”. Áp điểm g khoản 2 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ Luật Hình sự xử phạt bị cáo Võ Minh T 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Lời sau cùng, bị cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo gửi đến Tòa án trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên được xem là hợp lệ. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung bản án sơ thẩm và các chứng cứ đã được thu thập, có cơ sở xác định: vào ngày 12/4/2022, tại nhà số F, khu phố H, phường PK, thành phố BT, tỉnh Bến Tre, Võ Minh T và Nguyễn Minh H cùng thực hiện hành vi lén lút chiếm

đoạt của Nguyễn Thị Thu N 18 chậu lan với tổng trị giá 4.650.000 đồng. Về nhân thân Võ Minh T đã có 03 tiền án chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội.

Với ý thức, hành vi, giá trị tài sản chiếm đoạt và nhân thân của Võ Minh T Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Võ Minh T phạm “Tội trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm khi áp dụng hình phạt đã xem xét hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, thể hiện như sau: Bị cáo không phạm vào tình tiết tăng nặng; về tình tiết giảm nhẹ: Phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, thành khẩn khai báo theo quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo 02 năm tù. Giai đoạn phúc thẩm bị cáo cung cấp giấy chứng nhận kết hôn giữa Võ Minh T với Phạm Thị T, đơn xác nhận hoàn cảnh khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình, vợ đang mang thai (có giấy siêu âm thai của chị Phạm Thị T). Các tình tiết bị cáo cung cấp thuộc khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo có thêm tình tiết giảm nhẹ mới theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xét tính chất vụ án bị cáo là đồng phạm với vai trò giúp sức, giá trị tài sản chiếm đoạt không lớn, tài sản đã được thu hồi và trả cho chủ sở hữu, hành vi của bị cáo phạm vào tình tiết định khung tăng nặng do nhân thân nên cần giảm một phần hình phạt cho bị cáo theo Điều 54 Bộ luật hình sự cũng đủ cải tạo giáo dục bị cáo. Do vậy, chấp nhận kháng cáo của bị cáo sửa Bản án sơ thẩm.

[4] Quan điểm của Kiểm sát viên không phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử.

[5] Về án phí, bị cáo không phải chịu án phí phúc thẩm, do kháng cáo được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự; chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa quyết định của Bản án sơ thẩm.

Tuyên bố bị cáo Võ Minh T phạm “Tội trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm h, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 54; Điều 38 Bộ Luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo **Võ Minh T** (T M) 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù.

2. Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Bị cáo Võ Minh T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân Tp Bến Tre (3b);
- Công an và VKSND Tp Bến Tre (2b);
- Chi cục THADS Tp Bến Tre (1b);
- UBND phường N, Tp BT (1b);
- Bị cáo (1b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Văn Tỉnh